

14. KẾ HOẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU TRONG 03 NĂM TỚI

Năm 2007, ACB sẽ thực hiện phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi đợt 2; giá trị phát hành theo mệnh giá là 1.350 tỷ đồng. Thông tin chi tiết về trái phiếu chào bán được trình bày tại mục V - Chứng khoán chào bán.

Năm 2007, ACB đã được Ngân hàng Nhà nước cho phép phát hành 6.500 tỷ đồng trái phiếu dài hạn (3-15 năm). Tháng 10/2007, ACB đã phát hành 2.250 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm, lãi suất 8,6%/năm, ngân hàng Standard Chartered (SCB) được chỉ định làm đại lý phát hành. Trong quý IV/2007 và đầu năm 2008, ACB sẽ phát hành phần còn lại. Đối với các năm tiếp theo (từ năm 2008 trở đi), ACB chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu. Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu dự định chào bán trong tương lai (nếu có) bao gồm: loại trái phiếu, tổng giá trị, thời hạn... sẽ được ACB đăng ký thực hiện hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

15. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC CÁC NĂM TIẾP THEO

15.1. Mục tiêu và kế hoạch phát triển của ACB

Với những thế mạnh sẵn có và ưu thế của mình, ACB sẽ tiếp tục đẩy nhanh kế hoạch phát triển để nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc tăng vốn điều lệ sẽ được thực hiện chủ yếu bằng hình thức sử dụng lợi nhuận giữ lại trong kinh doanh với chính sách cổ tức hợp lý và chuyển đổi trái phiếu. Bằng cách này, việc gọi thêm vốn bằng tiền sẽ thực hiện thông qua thị trường chứng khoán bằng nhiều hình thức khác nhau.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

15.2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận

Bảng 35: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức từ năm 2007 đến năm 2012

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2006	2007		2008		2009		2010		2011		2012	
	Giá trị	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng	Giá trị	% tăng
Tổng tài sản (TTS)	44.347	82.000	84,9%	117.039	42,7%	160.049	36,7%	211.851	32,4%	271.126	28,0%	338.643	24,9%
Dư nợ cho vay	17.116	31.760	85,6%	45.186	42,3%	61.666	36,5%	81.515	32,2%	104.228	27,9%	130.099	24,8%
Vốn điều lệ (VĐL)	1.100	2.630	139,1%	5.400	105,3%	6.055	12,1%	7.441	22,9%	9.958	33,8%	13.205	32,6%
Lợi nhuận trước thuế	659	1.600	142,9%	2.100	31,2%	2.612	24,4%	3.286	25,8%	4.418	34,4%	5.883	33,2%
Lợi nhuận sau thuế	491	1.376	180,2%	1.806	31,2%	1.881	4,1%	2.366	25,8%	3.181	34,4%	4.236	33,2%
CÁC CHỈ SỐ													
Lợi nhuận sau thuế/ TTS bình quân	1,43%	2,18%		1,81%		1,36%		1,27%		1,32%		1,39%	
Lợi nhuận sau thuế/ VĐL bình quân	47,95%	73,78%		44,98%		32,84%		35,06%		36,56%		36,57%	
Tỷ lệ cổ tức	38,0%	44,5%		28,4%		26,4%		27,03%		27,2%		27,3%	

Nguồn: ACB

Ghi chú:

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006 được nêu tại bảng trên để tham chiếu và so sánh với năm kế tiếp.
- Số liệu dự phóng tài chính từ 2007-2012 được tính toán đến ngày 31/12 các năm.
- Do ACB đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2006 nên ACB sẽ được hưởng ưu đãi thuế (giảm thuế TNDN 50%) trong hai năm 2007 và 2008.
- Toàn bộ lợi nhuận giữ lại năm 2007 được chuyển hết vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tăng vốn điều lệ.
- Dự kiến 99.953.440.000 đồng mệnh giá phát hành sẽ được bán với giá bình quân 170.000 VND/cổ phiếu (giá giao dịch của cổ phiếu ACB ngày viết Bản công bố thông tin này là 172.000 VND/cổ phiếu; tỷ lệ pha loãng là 5,3%).
- Thặng dư vốn cổ phần từ việc phát hành cổ phiếu sẽ được dùng để tăng vốn điều lệ vào năm kế tiếp sau khi phát hành.
- Toàn bộ trái phiếu chuyển đổi sẽ được chuyển đổi thành vốn điều lệ trong vòng 5 năm và hoàn thành việc chuyển đổi vào cuối năm 2012.
- Toàn bộ cổ tức năm 2007 được chia bằng cổ phiếu, các năm còn lại cổ tức được chia bằng cả tiền mặt và cổ phiếu và đảm bảo hệ số an toàn vốn CAR >=8%.

15.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

15.3.1. Cơ sở xây dựng dự báo kế hoạch tài chính

Kịch bản dự phóng về hoạt động của ACB từ nay tới 2011/2012 được tính toán trong điều kiện như sau:

a. Dự báo phát triển kinh tế và ngành ngân hàng Việt Nam đến 2010-2011:

Các báo cáo của Chính phủ Việt Nam, của IMF đều cho thấy 5 năm tới, từ nay cho tới 2012, kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhanh với mức tăng trưởng GDP khoảng 8,5% - 9,0%/năm. Nhiều ý kiến của các chuyên gia trong và ngoài nước cho rằng Việt Nam có thể tận dụng cơ hội để phát triển nhanh và toàn diện hơn và khi đó Việt Nam có nhiều khả năng để GDP tăng trưởng hơn mức 10%/năm. Như vậy vào năm 2011/2012 GDP của Việt Nam sẽ đạt xấp xỉ 100 tỷ USD. Đây cũng chính là mục tiêu mà chính phủ đặt ra cho nhiệm kỳ 5 năm tới. Trong đó thành phần kinh tế ngoài quốc doanh sẽ chiếm tỷ trọng khá cao (xấp xỉ 50% GDP hiện nay) và theo dự báo sẽ ngày càng cao hơn để phục vụ cho việc tăng trưởng bền vững. (Xin xem Bảng cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế và Biểu đồ Dự báo GDP).

Tuy nhiên sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam chưa hoàn toàn vững về chất lượng và không loại trừ khả năng diễn biến xấu không dự báo trước được do tác động từ bên ngoài hoặc thiên tai.

Bảng 36: Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: %

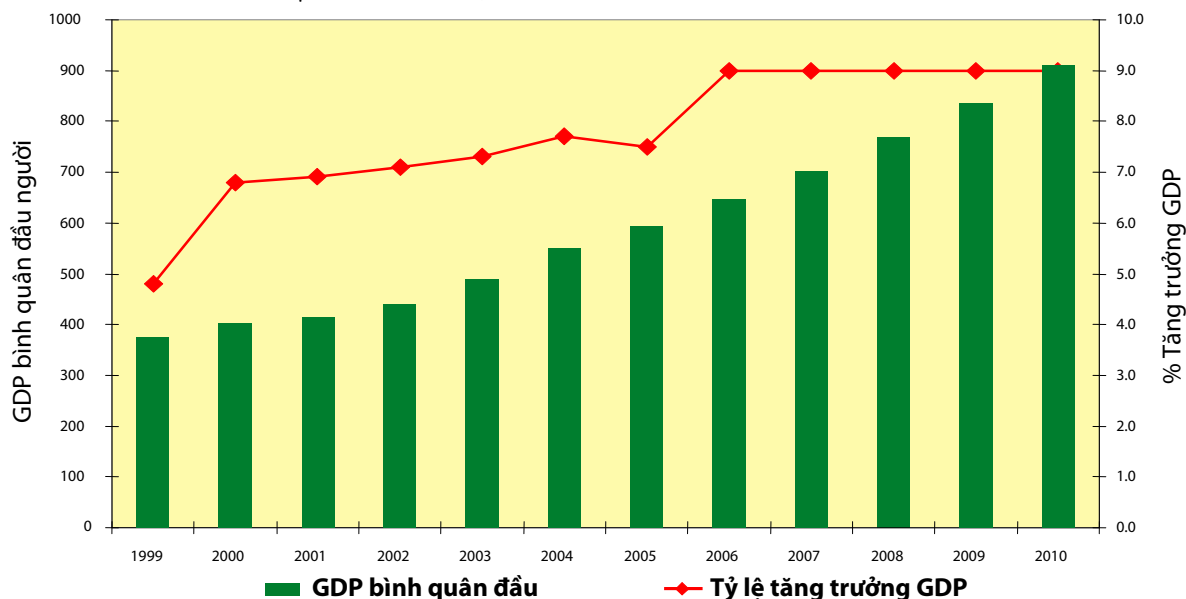
Thành phần kinh tế	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Kinh tế nhà nước	38,53	38,40	38,38	39,08	39,23	38,42
Kinh tế ngoài QD	48,20	47,84	47,86	46,45	45,61	45,68
Đầu tư NN	13,27	13,76	13,76	14,47	15,17	15,89

Nguồn: Tiến sỹ Lê Đăng Doanh

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

DỰ BÁO GDP CỦA VIỆT NAM

ĐỂ VƯỢT MỨC GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI LÀ 900 USD VÀO NĂM 2010



Nguồn: Asian Development Bank, 2005 estimate from IMF

Với xu thế hiện nay, khi Việt Nam đang là một địa chỉ đầy hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài và dự báo dòng vốn sẽ tiếp tục chảy mạnh hơn nữa sau khi gia nhập WTO, có thể dự báo một cái nhìn rất lạc quan cho nền kinh tế Việt Nam trong 10 năm tới.

Bảng 37: Tổng đầu tư xã hội từ 2000 - 2004

ĐVT: ngàn tỷ VND

Năm	Nhà nước	Ngoài Quốc doanh	Đầu tư nước ngoài	Tổng
2000	68	26	21	115
2001	77	29	23	129
2002	83	39	26	148
2003	90	50	27	167
2004	100	58	29	187

Nguồn: Tiến sỹ Lê Đăng Doanh

Trong giai đoạn này, khi GDP trên đầu người đạt mức từ trên 600 USD (hiện nay) lên tới 900 USD (dự đoán của IMF) hoặc 1050 USD (dự báo của chính phủ Việt Nam) vào năm 2010, nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn "cắt cánh", giai đoạn công nghiệp hóa, ngành công nghiệp và ngành dịch vụ, trong đó đặc biệt là ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng có tốc độ phát triển cao. Nếu đạt mục tiêu này thì triển vọng phát triển của 5 năm tiếp theo (giai đoạn đầu nền kinh tế công nghiệp hóa) sẽ là khả quan, với tốc độ tăng trưởng GDP được duy trì và có thể tăng thêm.

Quá trình tiền tệ hóa nền kinh tế sẽ diễn ra sâu sắc hơn, với tổng mức tiền huy động vào ngân hàng từ trên 70% GDP hiện nay sẽ tăng lên tới 100% vào năm 2011/2012 và sau đó, đưa tổng lượng tiền huy động của ngành ngân hàng Việt Nam từ mức khoảng 40 tỷ USD hiện nay lên gần 90 tỷ USD vào năm 2011 và 100 tỷ USD vào năm 2012. (Xin xem bảng bên dưới).

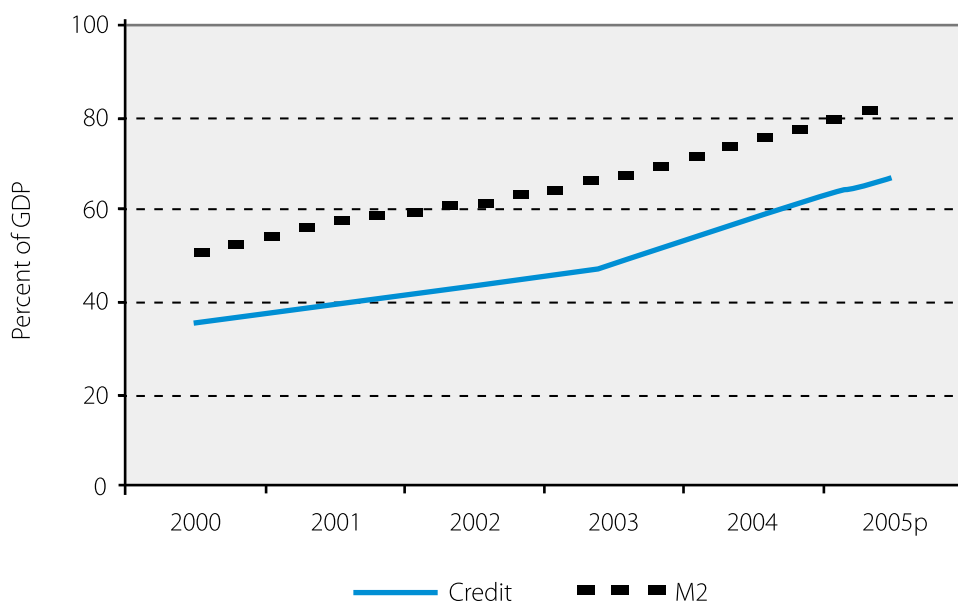
Bảng 38: Lượng tiền huy động vào ngành ngân hàng

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2010 (ước)
Tiền gửi/GDP	37%	43%	48%	52%	60%	68%	100%
Tiền mặt/Tiền gửi	31%	31%	29%	28%	26%	23%	-
GDP (tỷ USD)	39	42	45	48	52	56	90

Nguồn: NHNN và ACNielsen Vietnam

Như vậy vẫn có thể kỳ vọng ngành ngân hàng Việt Nam vẫn sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng huy động vốn là 22%/năm như hiện nay trong vòng 5 năm tới. Lượng cho vay mới hàng năm cũng được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, tăng trưởng ròng tín dụng hàng năm từ mức 10% GDP năm 2000 đã lên tới 16% năm 2005 và tiếp tục đạt 16 - 17% GDP trong 5 năm tiếp theo, đưa tổng mức tín dụng từ 66% GDP năm 2005 lên 80-90% GDP sau 2010. Nhu cầu về dịch vụ tài chính ngân hàng của doanh nghiệp, và đặc biệt là của dân cư sẽ tăng mạnh. (Xem biểu đồ dưới đây).

Rapid Financial Deepening



Source: Own estimates, based on data from GSO and SBV.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Trong bối cảnh tăng trưởng chung toàn ngành cao, đã có sự dịch chuyển về thị phần tương đối rõ rệt giữa các nhóm ngân hàng. Đặc biệt rõ nét nhất là thị phần của các NHTMNN đã giảm từ 75,8% năm 2002 xuống 69,3% năm 2005 (giảm 6,5% trong 3 năm) và thay vào đó, thị phần của các ngân hàng cổ phần tăng từ 11,1% năm 2002 lên 17,4% năm 2005 (tăng 6,3% trong 3 năm). Trong năm 2006 và 9 tháng đầu năm 2007 tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh các NHTMCP đã đạt thị phần tương đương với các NHTMNN. Xu hướng này dự báo có thể còn tiếp tục tới 2010 và thời gian sau đó.

b. Vị thế hiện tại và mục tiêu nhắm đến của ACB đến 2010-2011

ACB đang có vị trí dẫn đầu trong khối các NHTMCP nhưng vẫn còn khoảng cách khá xa so với khối các NHTMNN. Tổng tài sản của ACB hiện bằng gần 1/2 đến 1/4 tổng tài sản các NHTMNN. Hiện nay ACB là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao nhất ngành, có tổng tài sản lớn nhất trong khối NHTMCP và thứ 5 trong ngành (sau 4 NHTMNN). Bình quân ACB tăng trưởng cao gấp 2,5 lần tốc độ tăng trưởng của ngành ngân hàng Việt Nam.

Bảng 39: Tăng trưởng quy mô của ACB

Khoản mục	2003	2004	2005	2006
TTS (Tỷ VND)	10.855	15.420	24.273	44.645
Tăng trưởng (%)	-	42,05	57,41	83,93

Trong khi tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của ngành ngân hàng Việt Nam các năm qua dao động từ 20%-22%/năm.

Mục tiêu của ACB là tiếp tục giữ vị thế hàng đầu trong khối NHTMCP trong suốt 5 năm tiếp theo ở các chỉ tiêu: tăng trưởng (phần đầu cao hơn 2 lần so với tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành), chỉ số tài chính (duy trì ở mức an toàn cao, trong đó ROE cần đạt 25% đến 30%), chất lượng tài sản có, quản lý rủi ro theo thông lệ tốt nhất, các chỉ tiêu tăng trưởng bền vững, hệ thống sản phẩm và kênh phân phối đa dạng, chất lượng dịch vụ tốt. ACB sẽ tiếp tục là NHTMCP có quy mô tổng tài sản lớn nhất trong khối NHTMCP và dẫn rút ngắn khoảng cách đối với các NHTMNN. Nếu các NHTMNN tiếp tục tăng trưởng bình quân như các năm vừa qua và ACB duy trì tốc độ tăng trưởng cao gấp 2 - 2,5 lần tốc độ tăng trưởng chung như đã có trong 3 năm qua, thì sau khoảng 6 năm ACB có thể đuổi kịp các NHTMNN về quy mô. Tăng trưởng bền vững, mà trước hết là nguồn vốn huy động, là mục tiêu quan trọng nhất trong vòng 5 năm tới của ACB.

Tăng trưởng đối với ACB là nắm bắt thị phần mục tiêu bao gồm dân cư, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bởi các thành phần kinh tế này có tiềm năng thu nhập và tăng trưởng cao nhất và sẽ ngày càng đóng một vai trò quan trọng hơn trong việc tăng trưởng kinh tế. Dự kiến trong vòng 5 năm tới tổng tài sản của ACB sẽ đạt 16-18 tỷ USD. Tổng tài sản của ACB khi đó đòi hỏi một nguồn vốn tối thiểu (để đảm bảo hệ số an toàn vốn CAR = 8%) đối ứng vào khoảng 10.000 tỷ đồng (trên 800 triệu USD), nếu tỷ lệ và cơ cấu cho vay của ACB như hiện nay. Quy mô này tương đương quy mô của ngân hàng

khu vực và giúp ACB có đủ năng lực cạnh tranh sau khi ngành tài chính ngân hàng Việt Nam hoàn toàn mở cửa.

c. Để có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, ACB cần dựa vào các động cơ chính sau đây:

- Tiếp tục xây dựng và phát triển các sản phẩm ngân hàng truyền thống, kênh phân phối đa dạng trên nền công nghệ cao phù hợp với nhu cầu ngày càng cao và phức tạp của khách hàng. Như đã nêu ở trên, nhu cầu đối với các sản phẩm ngân hàng truyền thống sẽ vẫn tăng rất cao trong bối cảnh thị trường tài chính ngân hàng đang còn sơ khai của Việt Nam (ACB hiện mới chỉ có khoảng 200 sản phẩm, trong khi các ngân hàng ở các thị trường phát triển có thể cung cấp hàng ngàn sản phẩm khác nhau cho khách hàng).
- Hoạt động hợp nhất sáp nhập (M&A): bằng việc mua lại hoặc hợp nhất với định chế tài chính khác đã có sẵn thị phần, mạng lưới, cơ sở khách hàng, cũng là mục tiêu của ACB, ACB có thể đạt được những cú nhảy vọt trong tăng trưởng cả về chất và lượng. Nếu trong 14 năm qua ACB chưa thực hiện chiến lược này thì trong 5 năm tới đây là một nghiệp vụ rất cần được quan tâm. Lịch sử của một số ngân hàng hoặc công ty khác trên thế giới trong những năm cách đây không xa đã chỉ ra rằng nếu thực hiện đúng và thành công các giao dịch M&A, một tổ chức đang ở thứ hạng thấp có thể nhanh chóng đạt được vị thế dẫn đầu.
- Thành lập các liên minh chiến lược trên cơ sở sở hữu vốn thông qua hoạt động ngân hàng đầu tư của ACB và ACBS: bằng cách phát hành cổ phiếu cho SCB, ACB đã có thêm một cổ đông chiến lược có thể hỗ trợ kỹ thuật cho ACB trong hoạt động ngân hàng. Không những thế ACB cũng sẽ xây dựng liên minh với các đối tác chiến lược khác là các định chế tài chính - phi tài chính có hệ thống mạng lưới rộng, cơ sở hạ tầng tốt (nhất là công nghệ thông tin), cơ sở khách hàng cũng là mục tiêu của ACB. Bằng cách thỏa thuận các liên minh chiến lược, ACB có thể thực hiện bán chéo sản phẩm, rút ngắn thời gian và tiết giảm chi phí tiếp cận khách hàng và chi phí cơ hội. Đây là hoạt động đã được bắt đầu nhưng cần được đẩy mạnh.
- Từng bước chuyển ACB thành một tập đoàn tài chính – đầu tư cung cấp các dịch vụ tài chính đa năng theo mô hình quản trị tiên tiến với hoạt động ngân hàng thương mại là hoạt động chính.

15.3.2. Kết luận

Với dự báo tình hình kinh tế và ngành ngân hàng nói chung, vị thế hiện tại và nội lực của ACB nói riêng, trong 5 năm tiếp theo ACB sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh, an toàn và hiệu quả. Từ năm 2011 đến năm 2015 là giai đoạn hậu WTO với đầy thách thức và cơ hội mới và với vị thế đã vững chắc trên thị trường, ACB sẽ tạo nên bước đột phá mới để thực sự trở thành một ngân hàng thương mại quy mô ngang tầm khu vực.

Có thể dự báo một cách thận trọng rằng đến năm 2009, TTS của ACB sẽ khoảng 160.049 tỷ VND, vốn điều lệ đạt trên 6.055 tỷ VND và lợi nhuận trước thuế đạt 2.612 tỷ VND; các con số này lần lượt sẽ đạt khoảng 338.643 tỷ VND, 13.205 tỷ VND và 5.883 tỷ VND vào năm 2012.